

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2018/DS-PT

Ngày: 04/9/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 4 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLPT – DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2018/QĐ - PT ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị B** - sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: **Dương Văn T** – sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: ấp PN, xã PM, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Trương Văn H** – sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Dương Văn T**

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn Võ Thị B trình bày:***

Tôi và anh T là chỗ quen biết nên vào ngày 04/12/2015 AL anh T có vay tôi số tiền 25.000.000 đồng. Khi vay do anh T trực tiếp hỏi vay, tôi giao và anh T nhận tiền

tại nhà tôi. Anh T có tự viết biên nhận và ký tên, hẹn một tháng sẽ trả lại vốn, lãi suất 6%/tháng, trả lãi hàng tháng. Sau khi vay anh T có trả lãi đến ngày 04/3/2016 AL thì ngưng cho đến nay anh T không trả vốn lãi gì cả, dù tôi có đòi nhiều lần. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho tôi số tiền vốn vay 25.000.000 đồng và tiền lãi trên số vốn 25.000.000 đồng từ tháng 4/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Dương Văn T trình bày:*

Khoảng năm 2014 tôi có vay chủ chị B số tiền vốn là 20.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Tôi có trả lãi cho chị B 5.000.000 đồng tiền lãi, cộng với số tiền vốn 20.000 đồng thì tôi nợ tổng cộng là 25.000.000 đồng nên tôi có làm biên nhận nợ chị B số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 04/12/2015 AL, sau khi làm biên nhận thì tôi không có trả lãi nữa. Đến tháng 12/2016 AL tôi đã trả đủ cho chị B cũng không có ghi biên nhận mới lại cho tôi vì cho rằng tôi còn nợ tiền lãi chưa trả. Nay theo yêu cầu của chị B tôi không đồng ý vì đã trả xong, không còn nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn H trình bày:*

Việc vay nợ giữa vợ tôi và anh T thì tôi không biết, không có tham gia. Tiền này là do vợ tôi đi vay của người khác về cho anh T vay lại, chứ không phải là tiền chung của vợ chồng làm ra. Theo giấy biên nhận ghi tên chị H tức là vợ của tôi vì tôi tên H nên mọi người gọi vợ tôi là chị H. Tôi xác định là không có chứng kiến việc anh T trả tiền và anh T có trả hay không tôi không biết. Nay việc vợ tôi kiện anh T thì do vợ tôi quyết định, tôi không có ý kiến vì không có tham gia vào việc vay mượn này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B.

Buộc anh Dương văn T phải trả cho bà Võ Thị B số tiền là 35.855.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Bằng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, bị đơn Dương Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị B, không buộc anh T trả cho bà B 25.000.000 đồng tiền vốn gốc và 14 tháng tiền lãi. Anh Dương Văn T chỉ đồng ý trả cho bà B 12 tháng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật.

-Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của anh T là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của anh Dương Văn T làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp tại Điều 463 Bộ Luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Anh T kháng cáo không đồng ý trả cho chị B số tiền vốn 25.000.000 đồng và tiền lãi mà anh chỉ đồng ý trả cho chị B 01 năm tiền lãi của số tiền 25.000.000 đồng (từ tháng 12/2015 đến tháng 12/2016). Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 04/12/2015 AL chị B có cho anh T vay số tiền 25.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, vay với lãi suất 6% tháng, chị B cho rằng chị nhận lãi đến ngày 04/3/2016 AL (được 03 tháng) đến nay chưa trả vốn. Chị B khởi kiện anh T, chị B chứng minh được biên nhận nợ do anh T viết có vay của chị B 25.000.000 đồng. Anh B cho rằng đến tháng 12/2016 anh đã trả xong cho chị B nhưng không lấy lại biên nhận và chị B không làm biên nhận cho anh. Việc trình bày này của anh T không được chị B thừa nhận anh T không có giấy tờ chứng cứ gì chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh T trả cho chị B số tiền vốn lãi là 35.855.000 đồng là có căn cứ. Anh T kháng cáo không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm: 42/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí dân sự: Anh Tuấn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Bằng. Ngoài ra, anh Tuấn còn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Văn T.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:42/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B.

Buộc anh Dương Văn T phải trả cho chị Võ Thị B số tiền là 35.855.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Án phí:

- Anh T phải chịu là 1.792.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19340 ngày 25/6/2018. Vậy anh T phải nộp tiếp 1.792.750 đồng.

- Hoàn lại cho chị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 812.000 đồng theo biên lai thu số 19173 ngày 12/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện TP;
- CC THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em

